

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 17/2020/DS -ST

Ngày 17/6/2020

*V/v “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở trái pháp luật
quyền sử dụng đất và yêu cầu
bồi thường thiệt hại”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư;
2. Ông Nguyễn Văn Tấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2019/TLST-DS ngày 16/5/2019 về “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST- DS ngày 12/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-DS, ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê M sinh năm 1966 và bà Phan H sinh năm 1965;
Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm C, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường NC, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/7/2019); có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê T sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm KH, thôn CL, xã K, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà Lê H sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà Lê N sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà Lê Thị H sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà Lê T sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng VN(Ngân hàng); địa chỉ: Số 108 đường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Đ T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, địa chỉ: Số 108 đường Đ, quận K, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo pháp luật; ông Huỳnh A, chức vụ: Phó phòng Tổng hợp Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 97 Đường V, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 153/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 13/02/2019), ông A có mặt.

- Ông Lê H sinh năm 1956 và bà Trần Đ sinh năm 1960, cùng địa chỉ: Tổ 15, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đ L, bà Đ vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn H: Bà Phạm C, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường NC, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của ông H (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/7/2019); có mặt.

- Bà Lê Qsinh năm 1964, địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Cao T và bà Lê N sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/3/2014 vợ chồng ông Lê H và bà Trần Đ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê M và bà Phan H hai thửa đất là: Thửa số 635, tờ bản đồ số 10,

diện tích 231,1m² có giới cận: Phía đông giáp thửa đất số 144 của ông Đ và bà H; phía tây giáp thửa đất 636; phía nam giáp đường bê tông; phía bắc giáp thửa 54 (sau đây gọi là thửa 635) và thửa số 636, diện tích 219,2m², tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía đông giáp thửa đất số 635; phía tây giáp thửa đất 637; phía nam giáp đường bê tông; phía bắc giáp thửa 54 (sau đây gọi là thửa 636). Việc chuyển nhượng được thể hiện bằng hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã N, huyện T (nay là thành phố QNg), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực ngày 05/3/2014. Sau đó ông Đ và bà H đã làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T xác nhận chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất sang cho vợ chồng ông Đ, bà H vào ngày 5/3/2014 tại trang III của H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP088517, số vào sổ cấp GCN: CH 02100 và BP 088518, số vào sổ cấp GCN: CH 02101 do UBND huyện T cấp cho ông H, bà Đ ngày 27/02/2014. Ngày 19/11/2015 ông Đ và bà H đã thế chấp toàn bộ H thửa đất này cho Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi để vay 1.000.000.000 đồng làm ăn, buôn bán.

Nguồn gốc H thửa đất 635, 636 nêu trên là tài sản của ông Lê M (cha ruột ông Lê Văn H). Ông M sử dụng, làm nhà ở ổn định từ năm 1975, không ai tranh chấp, ông M được UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 17/12/1997 thửa đất số 51, tờ bản đồ số 3, diện tích 1090m² tọa lạc tại xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 11/2004 ông M trích chuyển nhượng cho ông Nguyễn H 259m², còn lại 805m² ông M vẫn quản lý, sử dụng, không ai tranh chấp. Ngày 12/9/2009 ông Lê M lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lê H và bà Trần Đ 831m² quyền sử dụng đất còn lại của thửa đất số 51, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 09/3/2010 ông Lê M chết do bệnh tật, ông H và bà Đ tiếp tục sử dụng đất, không ai tranh chấp. Ngày 12/8/2010, ông Lê H và bà Trần Đ nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi- cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà Đ số phát hành BH 716997, số vào sổ CH 00997, cấp ngày 25/11/2011 thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, diện tích 876,9m² tọa lạc tại xã N, huyện T (N1y là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi (diện tích đất tăng là do sai số qua các lần đo đạc bản đồ). Ngày 20/11/2013 ông H và bà Đ nộp hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất từ đất HNK sang đất ở nông thôn là 435m² được phòng Tài nguyên Môi trường huyện T chỉnh lý trên trang

ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/12/2013 theo Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện T. Ngày 26/12/2013, ông H và bà Đ nộp hồ sơ tách thửa đề nghị tách thành 03 thửa như sau: Thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10, diện tích 213,1 m² ONT, số phát hành BP 088517, số vào sổ CH 02100, cấp ngày 27/02/2014, xã N, huyện T (N1y là thành phố QNg), tỉnh Quảng Ngãi; Thửa đất số 636, tờ bản đồ số 10, diện tích 219,2 m² ONT, số phát hành BP 088518, số vào sổ CH 02101, cấp ngày 27/02/2014, xã N, huyện T (N1y là thành phố QNg), tỉnh Quảng Ngãi; Thửa đất số 637, tờ bản đồ số 10, diện tích 444,6m² ONT (202,7m² ONT và 241,9 m² HNK), số phát hành BP 088519, số vào sổ CH 02102, cấp ngày 27/02/2014, xã N, huyện T (N1y là thành phố QNg), tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 05/3/2014 ông H và bà Đ thỏa thuận lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê M và bà Phan H thửa 635 và thửa 636; được UBND xã N chứng thực theo hợp đồng số 69/2014 và 70/2014, quyền số 01/2012/TP/CC-SCT/HĐGD.

Ông Lê T (em ruột ông Lê M) tự ý tập kết vật liệu xây dựng trên hai thửa đất 635 và 636 nên ông H đã có đơn báo cáo UBND xã N về hành vi trên của ông T, UBND xã N có mời các bên đến giải quyết nhưng ông T không chứng minh được nguồn gốc đất. Sau đó ông T có làm đơn gửi đến UBND xã N nhưng không có căn cứ nên ngày 05/9/2015 UBND xã N thành lập tổ công tác đến thực địa thửa đất và tiến hành chôn trụ, lập biên bản bàn giao mốc giới thửa đất cho vợ chồng ông Đ, bà H.

Ngày 19/8/2015 ông Đ, bà H thuê 03 người đào gốc dừa và xây tường rào lưới B40 ranh giới 02 thửa đất 635 và 636 với đất của hộ lân cận (hàng xóm) thì các ông, bà gồm Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê N đến la lối cản trở, đập phá, không cho những người ông Đ, bà H thuê làm việc, gây thiệt hại cho vợ chồng ông Đ, bà H 900.000 đồng (chi phí tiền công cho người làm). Ngày 11/9/2015 ông Đ, bà H thuê xe đổ đất và thuê người xây tường rào ranh giới 02 thửa đất 635 và 636 thì bị ông Lê T đến xô ngã, đập phá làm gãy 04 cây trụ bê tông thiệt hại 2.000.000 đồng; ông Đ và bà H đã mời Công an xã N đến lập biên bản sự việc, ông T thừa nhận hành vi của mình. Việc làm của ông T đã gây thiệt hại cho ông Đ, bà H 3.100.000 đồng (04 trụ bê tông trị giá 2.000.000 đồng; 01 xe đất trị giá 500.000 đồng; tiền thuê 02 người làm công 600.000 đồng). Từ đó đến nay các bị đơn liên tục có hành vi phá hoại, cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ông Lê M và bà Phan H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết: Buộc các ông bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Đ, bà H đối với hai thửa đất 635 và 636. Buộc ông Lê T bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 3.100.000 đồng và các ông bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N liên đới bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 900.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/3/2020 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc ông Lê T bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 3.100.000 đồng và các ông bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N liên đới bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 900.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn giữ nguyên nội dung khác của đơn khởi kiện bổ sung. Trong vụ án này nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản có trên đất (cây cối và ngôi nhà cấp IV mà các ông bà N, N1, T1 xây dựng trên thửa đất 635...); không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giếng đóng của bà Lê Q có trên thửa đất 636.

** Tại Biên bản làm việc ngày 07/6/2019; biên bản làm việc ngày 11/9/2019; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị đơn ông Lê Mỹ T, bà Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N thống nhất trình bày:*

Ông T, bà H, bà H, bà T là chú, cô ruột và bà N là em gái ruột của ông Lê Văn H. Nguyên trước đây ông, bà nội của các ông, bà T, H, H, T (không nhớ tên, năm sinh, năm mất) có tạo lập được một mảnh vườn (không rõ diện tích, số thửa, tờ bản đồ nào) tại thôn C, xã N, huyện T (Nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Trước khi ông, bà nội qua đời, có chia mảnh vườn làm hai phần, một phần diện tích lớn hơn giao cho ông Lê N1 (con trai trưởng, là cha ông Lê T và ông Lê M) khoảng 1087 m², phần còn lại nhỏ hơn giao cho ông Lê Đ1 (cha ông Lê Mỹ Đ), khi giao ông bà nội có dặn dò bằng miệng, không lập văn bản rằng con trai được giao quyền sử dụng đất, không được bán đất của ông bà để lại mà phải có trách nhiệm bảo quản để lại cho con cháu sau này. Khi ông Lê N1 qua đời, dòng họ gồm có: Ông Lê M; ông T; bà H; bà H; bà T; bà Lê Thị K (đã chết)... họp lại và thống nhất giao ông Lê M được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất mà ông Lê N1 để lại, ông M dùng nguồn thu từ bán dừa, chuối, cau trồng trên đất để lo cúng giỗ cho ông bà và nộp thuế cho Nhà nước. Ông Lê M được UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 17/12/1997 thửa đất

có sổ thửa 51, tờ bản đồ số 03, sổ vào sổ 00711 tọa lạc tại thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Sau này khi ông Lê M chết thì giao lại quyền sử dụng đất cho con trai trưởng là ông Lê H quản lý, sử dụng, các ông, bà không có ý kiến phản đối hay tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Văn H. Tuy nhiên từ năm 1980 cho đến nay, ông Lê H đã lập gia đình, đi làm ăn, sinh sống và có nhà cửa ổn định ở địa phương khác, nhà và quyền sử dụng đất ông H giao cho em gái là bà Lê Q trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau này ông H về, thông báo cho các ông, bà biết có ý định rao bán đất thì các ông, bà không đồng ý nên đã viết đơn nhờ chính quyền can thiệp không cho ông H bán đất. Tuy nhiên ông Lê H đã tự ý bán một phần diện tích đất ông Lê M để lại cho ông Lê M và bà Phan H là hai thửa đất 635 và 636. Ông T thừa nhận có hành vi phá hoại tài sản của ông Lê M và bà Phan H ngày 11/9/2015, ông trực tiếp xô ngã 04 trụ bê tông, cản trở không cho đổ đất vào hai thửa đất 635, 636; các bà H, H, T, N thừa nhận có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Đ và bà H: la lối, ngăn chặn không cho đổ đất vào hai thửa đất 635 và 636. Các ông, bà không đồng ý bồi thường, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trên thửa đất 635 có một ngôi nhà cấp IV do bà Lê N xây dựng cho con trai là Cao T và con dâu là Lê N1, bà thừa nhận thửa đất 635 không phải là tài sản của bà mà là tài sản ông, bà lưu hạ cho ông Lê M sau này là ông Lê Văn H, bà được ông M và ông H đồng ý cho làm nhà để con trai và con dâu ở tạm.

** Tại Biên bản làm việc ngày 22/7/2019; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê H và người đại diện hợp pháp của ông H trình bày:*

Ông là con đẻ của ông Lê M. Nguyên sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, mẹ ông chết, cha ông cùng ông và hai người em gái là Lê Q và Lê Thị N2 quản lý, sử dụng ổn định một thửa đất vườn mang số hiệu thửa số 51, tờ bản đồ số 03, diện tích 831m², loại đất: Đất ở nông thôn và đất vườn, trong đó 200 m² đất ở lâu dài và 631 m² đất vườn đến tháng 12/2017, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00711, sổ phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất L742006, do UBND huyện T cấp ngày 17/12/1997 tại xã N, huyện T (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 06/8/2009 cha ông họp gia đình gồm cha, ông H, bà Q, bà N2 thống nhất giao thửa đất 51 nêu trên cho vợ chồng ông toàn quyền quản lý sử dụng, phải có trách nhiệm chăm lo hương khói ông bà, chăm sóc cha cho tới cuối đời và làm nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, ngoài ra cha không yêu cầu ông không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác hay muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có

sự cho phép của các bị đơn. Ngày 12/8/2009 cha lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, có chứng thực của UBND xã N. Quá trình cha tặng cho quyền sử dụng đất, vợ chồng ông quản lý, sử dụng ổn định, không có ai khiếu nại hay phát sinh mâu thuẫn gì. Năm 2010 cha chết do bị ung thư. Sau đó vợ chồng ông được UBND huyện T cấp đổi sổ đỏ thành sổ hồng vào ngày 25/11/2011 theo chương trình Vlap, trong đó: 200m² đất ở + 676 m² đất trồng cây hàng năm khác, tổng diện tích là 876,9 m²(diện tích đất tăng 71,9 m² là do sai số qua các lần đo đạc bản đồ). Sau đó ông làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất từ 435 m² từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở và được UBND huyện T đồng ý chuyển. Ông tách thành 3 thửa thửa đất 635, 636, 637 tờ bản đồ số 10, thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, ông chuyển nhượng thửa đất 635, 636 cho ông Đ, bà H với diện tích, giới cận như ông Đ và bà H đã trình bày, ông hiện đang quản lý sử dụng thửa 637. Việc làm của ông T, bà H, bà H, bà N, bà T là không đúng, vi phạm quyền lợi của ông Đ, bà H vì nguồn gốc đất ông Đ, bà H nhận chuyển nhượng là đất hợp pháp của cha con ông, không liên quan đến dòng họ L, các bị đơn không thể mang danh dòng họ L để cản trở việc thực hiện quyền của ông Đ, bà H. Trước khi ông chuyển nhượng hai thửa đất này, ông có báo cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì.

** Tại Biên bản làm việc ngày 11/9/2019; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Ngày 19/11/2015 Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi đã ký hợp đồng thế chấp số 635/636/LN520075/2015/HĐTC với ông Lê M và bà Phan Thị H; theo hợp đồng thì ông Đ và bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 635 và 636 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, hiện nay ông Đ và bà H vẫn còn nợ Ngân hàng nên tài sản thế chấp chưa được xóa. Khi nhận thế chấp, Ngân hàng xem xét thấy rằng hai thửa đất được chuyển nhượng hợp pháp cho ông Đ và bà H, được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động, hợp đồng thế chấp được công chứng tại phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi- chi nhánh thành phố QNg, hiện nay ông Đ và bà H vẫn trả nợ Ngân hàng đầy đủ, đúng quy định nên Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án cần xem xét bảo vệ quyền lợi của Ngân hàng.

** Tại Biên bản làm việc ngày 07/11/2019; trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Q trình bày:*

Bà là em ruột của ông H, bà N, con đẻ của ông Lê M. Mẹ của bà chết sớm, cha mẹ bà có bảy người con là ông Lê Văn H, bà Lê Thị N (tên gọi khác là N2), bà Lê Thị N, ông Lê Văn N2 (đã chết trước năm 1975), Lê Văn P (chết khi còn nhỏ), Lê Thị B và bà. Do ông H là con trai trưởng nên năm 2009 cha bà họp gia đình gồm có cha, ông H, bà và bà N (bà N2) (là những người có tên trong hộ khẩu gia đình ông Lê M, còn những người con khác thì có người đã chết, có người như bà N, bà B đã lấy chồng tách khẩu đi nơi khác) bàn bạc thống nhất giao toàn bộ quyền quản lý, sử dụng đất của ông Lê M cho ông Lê H và bà Trần Thị Đ. Sau này ông H, bà Đ làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà H. Việc chuyển nhượng giữa hai bên là công khai, hợp pháp. Ông H có báo cho ông T biết việc ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà H, lúc đó ông T đồng ý cho ông H chuyển nhượng. Việc ông T, bà H, bà H, bà T, bà N cho rằng thửa đất 635, 636 là quyền sử dụng đất của dòng họ L là không đúng, mà nó là tài sản hợp pháp của ông H và bà Đ, ông H và bà Đ chuyển nhượng cho ai là quyền hợp pháp của họ, việc các ông T, bà H, bà H, bà T, bà N cản trở, quấy phá là trái pháp luật. Bà có chứng kiến việc ông T xô ngã trụ bê tông của ông Đ, bà H và các ông, bà T, bà H, bà H, bà T, bà N la lối, cản trở, ngăn cản không cho ông Đ, bà H thực hiện quyền sử dụng đất. Trên thửa đất 636 có 01 giếng đóng là tài sản của bà nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, ông Cao Văn T1, bà Lê N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các ông bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất thửa 635 và thửa 636; đình chỉ đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T bồi thường số tiền 3.100.000 đồng; buộc ông T, bà H, bà T, bà H, bà N liên đới bồi*

thường T hại số tiền 900.000 đồng. Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Lê Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, ông Cao T và bà Lê N vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, bà Đ, ông T1, bà N1.

[1.2.] Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/3/2020 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lê T bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 3.100.000 đồng và các ông bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N liên đới bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 900.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Bị đơn thừa nhận quyền sử dụng đất thửa 635 và thửa 636 có nguồn gốc là quyền sử dụng đất của ông, bà đời trước giao cho ông Lê M được quyền quản lý, sử dụng. Ông M khi còn sống đã tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là ông Lê H và con dâu là Trần Thị Đ, các bị đơn không phản đối việc tặng cho và không tranh chấp quyền sử dụng hai thửa đất này với ông H, bà Đ. Bị đơn thừa nhận có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Lê M và bà Phan Hnên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự đây là những tình tiết không cần chứng minh;

[2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi ông Lê H và bà Trần Đ được ông Lê M tặng cho quyền sử dụng đất, ông H và bà Đ đã thực hiện quyền của chủ sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 635, thửa 636 cho ông Lê M và bà Phan Thị H. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng, được UBND xã N chứng thực hợp đồng số 69/2014 và 70/2014, quyển số 01/2012/TP/CC-SCT/HĐGD. Ông Đ, bà H cũng đã đăng ký biến động quyền sử dụng đất và được Văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất huyện T xác nhận chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất sang cho vợ chồng ông Đ, bà H vào ngày 25/3/2014 tại trang III của H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP088517, số vào sổ cấp GCN: CH 02100 và BP 088518, số vào sổ cấp GCN: CH 02101 đều do UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông H, bà Đ ngày 27/02/2014. Vì vậy ông Lê M và bà Phan H có đầy đủ quyền và nghĩa vụ sử dụng hai thửa đất là thửa 635 và thửa 636, được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai.

Xét phần trình bày của các bị đơn: Bị đơn thừa nhận không được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất thửa 635 và thửa 636, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Lê H và bà Trần Đ không được quyền chuyển nhượng thửa 635 và thửa 636 cho ông Lê M và bà Phan Thị H. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các bị đơn thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Đ và ông Đ, bà H cùng các vấn đề khác có liên quan nhưng bị đơn không thực hiện nên phần trình bày của các bị đơn là không có căn cứ.

Bị đơn thừa nhận có thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Lê M và bà Phan Thị H: Ngày 19/8/2015 các ông, bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê N đến thửa 635, thửa 636 la lối cản trở, đập phá, không cho những người ông Đ, bà H thuê làm việc đào gốc dừa và xây tường rào ranh giới 02 thửa 635 và thửa 636 với đất của hộ lân cận (hàng xóm), gây thiệt hại cho vợ chồng ông Đ, bà H. Ngày 11/9/2015 ông Lê T đến thửa 635, thửa 636 xô ngã, đập phá làm gãy 04 cây trụ bê tông. Việc làm này của các bị đơn đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của nguyên đơn tại thửa đất là thửa 635, thửa 636 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 164, 169 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T, bà H, bà H, bà T, bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, ông Đ và bà H đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông T, bà H, bà H, bà T, bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ, bà H 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Tòa án đã ban hành Thông báo số 166/TB-TA ngày 30/5/2020 về việc thông báo cho ông T, bà H, bà H, bà T, bà N quy định của pháp luật về miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án. Trong thời hạn quy định ông T, bà H, bà H, bà T, bà N không nộp đơn xin miễn nộp án phí đến Tòa án nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Đ, bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 164, 169 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, Điều 166 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 157, 158, 244, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê M và bà Phan Thị H. Buộc các ông, bà Lê Mỹ T; Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông Lê M và bà Phan H tại thửa số 635, tờ bản đồ số 10, diện tích 231,1m² có giới cận: Phía đông giáp thửa đất số 144 của ông Đ và bà H; phía tây giáp thửa đất 636; phía nam giáp đường bê tông; phía bắc giáp thửa 54 và thửa số 636, diện tích 219,2m², tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía đông giáp thửa đất số 635; phía tây giáp thửa đất 637; phía nam giáp đường bê tông; phía bắc giáp thửa 54 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ BP 088517, số vào sổ cấp GCN: CH 02100 và số vào sổ BP 088518, số vào sổ cấp GCN: CH 02101 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 27/02/2014 cho ông Lê H và bà Trần Thị Đ, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T xác nhận chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất sang cho vợ chồng ông Lê M và bà Phan H vào ngày 25/3/2014 tại trang III của H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Lê M và bà Phan H về việc buộc ông Lê T bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm ngàn đồng) và các ông bà Lê Mỹ T, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê N liên đới bồi thường cho ông Đ, bà H số tiền 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê M và bà Phan H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đ, bà H 600.000 đồng (Sau trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001224 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Các ông, bà Lê Mỹ T; Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), các ông, bà Lê Mỹ T; Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê T phải chịu. Ông Lê M và bà Phan H đã nộp tạm ứng và chi phí xong nên các ông, bà Lê Mỹ T; Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê T có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho ông Đ, bà H. Cụ thể các ông, bà Lê Mỹ T; Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê T mỗi người phải hoàn trả cho ông Đ, bà H số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

*** NI NHẬN:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly